

Số: /QĐ-UBND Thanh Hoá, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư đồng Cồn Ve, đồng Ngang, thị trấn Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa của UBND huyện Hậu Lộc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 23/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Hậu Lộc về việc Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư trên địa bàn huyện Hậu Lộc năm 2021;

Theo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư đồng Cồn Ve, đồng Ngang, thị trấn Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa của UBND huyện Hậu Lộc tại Thông báo số 6008/STNMT-BVMT ngày 21/7/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 2271/UBND-BQLDA ngày 06/10/2021 của UBND huyện Hậu Lộc;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 136/Tr-STNMT ngày 28/01/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư đồng Cồn Ve, đồng Ngang, thị trấn Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa của UBND huyện Hậu Lộc (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

- Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Hậu Lộc và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư đồng Cồn Ve, đồng Ngang, thị trấn Hậu
Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa của UBND huyện Hậu Lộc.

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của
 Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin chung dự án:

- Tên dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư đồng Cồn Ve, đồng Ngang, thị trấn Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.
- Chủ đầu tư: UBND huyện Hậu Lộc
- Đại diện chủ đầu tư (Đơn vị quản lý dự án): Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hậu Lộc.
- Người đại diện: ông Ngô Viết Thắng - Chức vụ: Giám đốc Ban
- Phạm vi, quy mô, công suất dự án: Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư đồng Cồn Ve, đồng Ngang, thị trấn Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa được xây dựng trên khu đất có tổng diện tích là 9,5 ha, với các hạng mục công trình chính bao gồm: San nền, giao thông, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước, hệ thống cấp điện, trồng cây xanh.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Giai đoạn xây dựng:

2.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 5,5 m³/ngày (nước thải nhà vệ sinh khoảng 2,45 m³/ngày; nước thải tắm rửa khoảng 2,75m³/ngày; nước thải ăn uống 0,30m³/ngày); Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ, động thực vật, Coliform,...
- Nước thải vệ sinh thiết bị máy móc phát sinh khoảng 8,0 m³/ngày; Thành phần chủ yếu: Cặn lơ lửng, dầu mỡ,...
- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng khoảng 1.584,6 m³/ngày; Thành phần chủ yếu bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

2.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu; san gạt mặt bằng,...chủ yếu chứa thành phần: bụi, SO₂, NO_x, CO,...

2.1.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 10kg/ngày; thành phần chủ yếu: thức ăn thừa, lá cây, cành cây, gỗ, giấy loại, thủy tinh, nhựa, nilon, sành sứ, vỏ đồ hộp, kim loại, cao su,...

- Chất thải rắn xây dựng: Bùn, đất hữu cơ trong quá trình bóc đất phong hóa: 33.333,5 m³; Vật liệu xây dựng rơi vãi: 1.573,9 tấn; Đầu mẫu sắt thép thừa, gỗ cốp pha, bao bì xi măng,...: 44,9 tấn.

2.1.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại gồm giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa,... phát sinh khoảng 10 kg/tháng.

- Chất thải lỏng nguy hại chủ yếu là dầu máy với lượng phát sinh khoảng 14,5 lít/tháng.

2.2. Giai đoạn vận hành:

2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án là 230,4 m³/ngày, trong đó: Nước thải từ tắm, rửa tay, giặt: 92,2 m³/ngày; Nước thải nhà vệ sinh: 69,1 m³/ngày; Nước thải ăn uống: 69,1 m³/ngày; Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ động thực vật, Coliform,...

- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng 4.753,8 m³/ngày; thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

2.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện ra vào dự án; hoạt động của máy phát điện dự phòng; hoạt động nấu ăn, các công trình xử lý nước thải... Thành phần gồm: Bụi, khí CO, SO₂, NO₂, H₂S, NH₃,...

2.2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 1000kg/ngày.đêm; Thành phần chủ yếu là túi nilon, giấy, bìa carton, vỏ bao bì, thức ăn thừa, lá cây, cành cây,...

- Ngoài ra, còn có chất thải rắn xây dựng phát sinh từ quá trình xây dựng của các nhà đầu tư thành viên và chất thải rắn từ hoạt động vệ sinh môi trường (bùn cặn từ hệ thống thu gom và xử lý nước thải, rãnh thoát nước mưa trong khu dân cư).

2.2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của dự án khoảng 30 kg/tháng. Thành phần bao gồm: bóng đèn huỳnh quang thải, các thiết bị thải bỏ có thành phần CFC, pin, ắc quy thải, dầu mỡ thải, các loại linh kiện điện tử thải...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Giai đoạn xây dựng

3.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

** Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn:*

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu (cát, đá,...) được che chắn bằng bạt; không để vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại gần mương thoát nước; hạn chế thấp nhất lượng nước mưa chảy qua khu vực thi công kéo theo bùn đất vào hệ thống thoát nước chung của khu vực; quản lý dầu mỡ và vật liệu độc hại do các phương tiện vận chuyển và thi công gây ra.

- Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm thời, trên đường thoát nước mưa bố trí hố ga tạm (có kích thước: 1mx1mx1m) để lắng loại bỏ bùn đất, khoảng cách các hố ga là 30m, sau đó chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Thường xuyên khơi thông, nạo vét cống, rãnh, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước chung của khu vực.

- Thực hiện công tác vệ sinh công trường sau mỗi ngày làm việc nhằm hạn chế các chất ô nhiễm rơi vãi trên mặt bằng thi công.

** Biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:*

- Nước thải từ quá trình vệ sinh tay chân, tắm rửa, giặt giũ được thu gom về 01 hố lắng nước thải có thể tích $3,0\text{m}^3$ ($D \times R \times S = 2\text{m} \times 1,5\text{m} \times 1\text{m}$); Nước thải ăn uống được thu gom vào 01 bể tách dầu mỡ có thể tích $1,0\text{m}^3$ ($D \times R \times S = 1\text{m} \times 1\text{m} \times 1\text{m}$) bố trí tại khu lán trại để xử lý nước thải trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Nước thải nhà vệ sinh: Nhà thầu thi công thuê 05 nhà vệ sinh di động bố trí tại khu lán trại. Mỗi nhà vệ sinh di động có dung tích: bồn nước là 400 lít và bồn phân là 500 lít; định kỳ 02 ngày/lần đơn vị thi công hợp đồng với đơn vị có chức năng hút chất thải đem đi xử lý.

** Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng*

Nước thải xây dựng được thu gom về hố lắng kê đá hộc xung quanh, thể tích $5,0\text{m}^3$ (kích thước $D \times R \times H = 2,5\text{m} \times 2\text{m} \times 1,0\text{m}$) để xử lý nước thải trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

3.1.2. Về bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: Quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính... theo quy định, bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng phải chở đúng trọng tải quy định và có che phủ bạt phía trên để tránh rơi vãi trong quá trình di chuyển.

- Bố trí công nhân quét dọn đất, cát rơi vãi từ khu vực dự án ra tuyến đường thi công.

- Phun tưới nước 04 lần/ngày và tăng tần suất nếu phát sinh nhiều bụi.

- Xây dựng hàng rào bằng tôn cao 2,5m, dài 500m xung quanh khu đất thi công xây dựng để giảm bụi và tiếng ồn phát sinh ra bên ngoài.

- Bố trí khu vực rửa bánh xe vận chuyển nguyên vật liệu trước khi ra khỏi khu vực thi công, các xe vận chuyển vật liệu được che phủ kín bạt.

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

** Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt*

Trang bị 02 thùng đựng rác thải 50 lít để thu gom rác thải sinh hoạt khu lán trại. Hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải của địa phương để vận chuyển, xử lý với tần suất 01 ngày/lần.

** Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng*

- Bùn, đất hữu cơ trong quá trình bóc đất phong hóa được tận dụng để đắp trả, đổ tại vị trí trồng cây xanh và các khuôn viên lô đất trong dự án.

- Chất thải rắn từ quá trình xây dựng vật liệu rời như cát, đá, gạch thải và đất dư thừa từ quá trình đào đắp hố móng...được tận dụng làm vật liệu san nền tại chỗ.

- Chất thải có khả năng tái chế như sắt thép, tôn, bao bì xi măng,...được thu gom và bán các đơn vị thu mua phế liệu.

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Trang bị 02 thùng chứa chất thải nguy hại: 01 thùng dung tích 200 lít để chứa chất thải rắn nguy hại và 01 thùng dung tích 200 lít để chứa chất thải lỏng nguy hại, các thùng chứa đều có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định đặt tại kho chứa tại khu lán trại của dự án. Kết thúc quá trình thi công xây dựng đơn vị thi công hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- *Trách nhiệm của các hộ dân, trường mầm non:*

+ Xây dựng bể tự hoại để xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh; Xây dựng bể tách dầu mỡ để xử lý nước thải ăn uống; lắp đặt lưới chắn rác để xử lý sơ bộ nước thải tắm giặt sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để xử lý trước khi thải ra môi trường;

+ Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom, thoát nước và đấu nối vào đường ống chờ do chủ đầu tư lắp đặt để dẫn về hệ thống thoát nước chung của dự án.

- *Trách nhiệm của chủ đầu tư:*

+ Thiết kế hệ thống thoát nước mưa đi riêng với hệ thống thoát nước thải.

+ Chủ dự án đầu tư 05 Bể Bastafat (có dung tích 50m³/bể) để xử lý nước thải cho khu dân cư. Nước thải sau khi xử lý sẽ đấu nối vào mương thoát nước thải chung phía Tây Bắc dự án, xả thải kênh tiêu hiện trạng, sau đó chảy ra sông Trà Giang.

+ Sau khi hệ thống xử lý nước thải tập trung của huyện Hậu Lộc được xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 4907/QĐ-UBND ngày 20/11/2019 của UBND tỉnh về Phê duyệt điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc đến năm 2035, chủ đầu tư thực hiện đấu nối nước thải khu vực dự án về trạm xử lý tại xã Thịnh Lộc, cách khu vực dự án 1,0km về phía Nam (Trạm xử lý nước thải tại xã Thịnh Lộc có công suất 2.500 m³/ngày).

+ Quản lý, bảo trì, vận hành thường xuyên công trình xử lý nước thải đảm bảo đạt QCVN14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

+ Bố trí kinh phí để vận hành, duy trì hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

+ Thực hiện việc quan trắc nước thải theo định kỳ; bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải; đào tạo cán bộ vận hành hệ thống,...

- *Trách nhiệm của UBND thị trấn Hậu Lộc:*

Quản lý việc xây dựng công trình xử lý nước thải sơ bộ tại các hộ gia đình gồm: bể tự hoại xử lý nước thải vệ sinh, bể tách dầu mỡ xử lý nước thải nhà ăn, lưới chắn rác xử lý nước thải tắm giặt và đầu nổi vào vị trí chờ trên đường thu gom nước thải do chủ đầu tư xây dựng.

3.2.2. Về bụi, khí thải:

- *Trách nhiệm của chủ đầu tư:*

Trồng cây xanh khu vực công viên các vị trí quy hoạch.

- *Trách nhiệm của các hộ dân:*

+ Chủ động vệ sinh hàng ngày đối với khu vỉa hè trong phạm vi phía trước mỗi khu nhà.

+ Để rác đúng quy định về thời gian và địa điểm;

+ Đối với khu vực nhà bếp phải trang bị bộ phận hút, lọc khói bếp trước khi thải ra môi trường.

- *Trách nhiệm của UBND thị trấn Hậu Lộc:*

+ Thuê đơn vị thường xuyên quét dọn các tuyến đường trong khu dân cư nhằm giảm thiểu bụi bốc bay theo lớp bánh xe.

+ Những ngày nắng nóng phun nước tưới cây, rửa đường trong khu dân cư bằng xe tưới nước chuyên dụng.

+ Nạo vét định kỳ hệ thống cống rãnh.

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- *Trách nhiệm của UBND huyện Hậu Lộc:*

+ Xây dựng khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt tập trung diện tích khoảng 100 m² trong khu vực trồng cây xanh.

+ Trang bị các thùng rác có nắp đậy đặt dọc các tuyến đường để thu gom chất thải rắn phát sinh. Mỗi vị trí đặt 2 thùng khác nhau để thu gom, phân loại chất thải rắn, các vị trí cách nhau 50m.

+ Đặt biển báo cấm vứt rác bừa bãi, bỏ rác đúng nơi quy định.

- *Trách nhiệm của các hộ dân, trường mầm non:*

+ Thực hiện việc phân loại rác thải tại nguồn;

+ Thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh vào các thùng chứa có nắp đậy để tránh sự phân huỷ của các chất hữu cơ dễ phân huỷ sinh học gây ô nhiễm môi trường và sức khỏe cộng đồng do mùi hôi và nước rỉ rác.

+ Nộp đầy đủ phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý.

- *Trách nhiệm của UBND thị trấn Hậu Lộc:*

+ Tuyên truyền, phổ biến kiến thức nhằm nâng cao nhận thức người dân về thu gom, phân loại CTR cho người dân trong khu dân cư.

+ Xây dựng kế hoạch quản lý chất thải rắn cho khu dân cư phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

+ Định kỳ 02 lần/ngày cử tổ vệ sinh thu gom rác thải từ các thùng chứa rác trong khu dân cư và đưa về khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt tập trung của khu dân cư.

+ Thuê đơn vị có chức năng định kỳ nạo vét thường xuyên hệ thống cống rãnh, bùn bể tự hoại khu vực công cộng: 3-6 tháng/lần;

+ Hợp đồng với đơn vị môi trường địa phương thu gom và đưa đi xử lý CTR sinh hoạt và vệ sinh khu vực công cộng, chăm sóc cây xanh tại khu vực dự án với tần suất 1 lần/ngày.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- *Trách nhiệm của UBND huyện Hậu Lộc:*

+ Bố trí các thùng nhựa loại 100 lít màu đen tại các tuyến đường nội bộ, mỗi tuyến đường bố trí 02 thùng chứa chất thải nguy hại rắn và lỏng riêng biệt.

- *Trách nhiệm của UBND thị trấn Hậu Lộc:*

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn nguy hại cho khu dân cư.

+ Phổ biến các quy định, cách thức thu gom, phân loại chất thải nguy hại và quản lý chất thải nguy hại cho người dân để thu gom chất thải nguy hại chuyển vào các thùng chứa chất thải nguy hại theo các chủng loại quy định đã được dán nhãn bên ngoài thùng.

- *Trách nhiệm của các hộ dân:* Thu gom, phân loại chất thải nguy hại và bỏ vào các thùng đựng CTNH theo quy định.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án

TT	Danh mục công trình xử lý môi trường	Đơn vị	Số lượng
1	Thiết bị thu gom, xử lý chất thải rắn		
-	Thùng chứa chất thải sinh hoạt	Thùng	40
-	Thùng chứa chất thải nguy hại	Thùng	02
2	Hệ thống xử lý nước thải		
-	Bể tự hoại	bể	296
-	Bể tách dầu mỡ	bể	296
-	Hệ thống xử lý nước thải tập trung (bể batasfat, 50m ³ /bể)	bể	05
3	Hệ thống xử lý khí		
	Lắp đặt ống thoát khí của bể tự hoại tại mỗi hộ gia đình và trường mầm non	Cái	296

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

4.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

a. Giám sát chất lượng khí thải:

- *Chỉ tiêu giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.

- *Vị trí giám sát:*

+ Khu vực trung tâm dự án.

+ Tuyến đường vận chuyển 526B vào khu vực công trường thi công dự án.

- *Quy chuẩn áp dụng:*

+ QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

+ QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

+ QCVN 03: 2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;

b. Giám sát chất lượng nước thải:

- *Chỉ tiêu giám sát:* pH, TSS, BOD₅, Tổng chất hoạt động bề mặt, NH₄⁺ theo N, dầu mỡ động thực vật, Coliform.

- *Vị trí giám sát:* 01 mẫu nước tại mương thoát nước sau hố lắng nước thải.

- *Quy chuẩn áp dụng:*

+ QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt.

+ QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn Quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp.

4.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn hoạt động

Giám sát chất lượng nước thải:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- *Chỉ tiêu giám sát:* pH, TSS, BOD₅, Tổng chất hoạt động bề mặt, NH₄⁺ theo N, dầu mỡ động thực vật, Coliform.

- *Vị trí giám sát:* 01 mẫu nước thải sau xử lý qua bể Bastafat.

- *Quy chuẩn áp dụng:* QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt./.